| CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM*  ***Independence – Freedom – Happiness*** | **CÔNG TY TNHH SGS VIỆT NAM**  *SGS VIETNAM COMPANY LIMITED* |
| --- | --- |

**HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**

**LABOUR CONTRACT**

(Hợp đồng số: #Contract number#/SGS-HĐLĐ)

*(Contract no: #Contract number#/SGS-HĐLĐ)*

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

*Pursuant to the Civil Code adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 24, 2015, effective from January 1, 2017;*

- Căn cứ Bộ Luật Lao động được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

*Pursuant to the Labor Code adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 20, 2019, effective from January 01,2021;*

- Căn cứ theo nhu cầu, năng lực và thỏa thuận cụ thể giữa hai bên.

*Pursuant to the needs, capacities and specific agreement between the two parties.*

Văn phòng Công ty TNHH SGS Việt Nam tại Hà Nội/Đà Nẵng, ngày #from date#, Hợp đồng này được lập và ký kết giữa hai bên gồm:

*Today, #from date-en#, at SGS Vietnam Company Limited’s Office in Hanoi/Danang, this contract is made and signed between two parties:*

**BÊN A: CÔNG TY TNHH SGS VIỆT NAM**

**PARTY A: SGS VIETNAM COMPANY LIMITED**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà VTC Online, số 18 phố Tam Trinh, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

*Address: 7th floor, VTC Online Building, No. 18 Tam Trinh Street, Minh Khai Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam*

Điện thoại: 024 3632 1581                           *Telephone number: 024 3632 1581*

Người đại diện theo pháp luật: Ông/Bà Hubert Hyungin Choi Chức vụ: Giám đốc

*Legal Representative: Mr./Mrs. Hubert Hyungin Choi Position: Director*

*Người đại diện theo ủy quyền: Ông/Bà Lê Thùy Linh Chức vụ: Trưởng phòng Nhân sự*

*Authorized Representative: Mr./Mrs. Le Thuy Linh Position: HR Manager*

*Căn cứ Giấy ủy quyền số 01042023-SGS/UQ ngày 01/04/2023 của Công ty TNHH SGS Việt Nam.*

*Issued under Letter of Authorization of SGS Vietnam Company Limited No. 01042023-SGS/UQ on April 1, 2023.*

**BÊN B: ÔNG/BÀ: #Full name#**

**PARTY B: MR./MRS. #Full name-en#**

Số CMND/Hộ chiếu: #ID# cấp ngày: #Ngay cap# tại: #Noi cap#

*ID card/Passport number: #ID# issued on #Date of ID# at #Place of ID#*

Quốc tịch: #Nationality-vi#

*Nationality: #Nationality-en#*

Sinh ngày: #Ngay sinh# Nơi sinh: #Noi sinh#

*Date of birth: #Birthday# Place of birth: #Place of birth#*

Giới tính: #Gioi tinh#

*Gender:* *#Gender#*

Nghề nghiệp: #Nghe nghiep#

*Profession: #Job#*

Địa chỉ thường trú: #Dia chi#

*Residential address: #Address#*

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

*Agree to sign the labour contract and commit to comply with the following provisions:*

**Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng**

***Article 1: Term and job of the labour contract***

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động xác định thời hạn #Loai hop dong#

*Type of labour contract: Definite term labor contract #Type of contract#*

- Từ ngày #from date# đến ngày #to date#

*From #from date-en# until #to date-en#*

- Địa điểm làm việc:

* Tầng 7, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
* Tầng 2, tòa nhà Tower 1, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam hoặc
* Tầng 9 và tầng 10, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
* Tầng 4, Khu B2, Tòa nhà Vĩnh Trung Plaza, 255 - 257 Hùng Vương, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
* Hoặc các địa điểm khác theo sự sắp xếp từ Công ty.

*Work location:*

* *7th floor, VTC Online Building, No.18 Tam Trinh Street, Minh Khai Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam*
* *2nd Floor, Tower 1 Building, No. 458 Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi City, Vietnam or*
* *9th and 10th floor, VTC Online Building, No.18 Tam Trinh Street, Minh Khai Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam.*
* *4th floor, B2 Zone, Vinh Trung Plaza Building, 255 - 257 Hung Vuong Street, Vinh Trung Ward, Thanh Khe District, Danang, Vietnam*
* *Or other work sites assigned by the company.*

- Chức danh chuyên môn: #Nghe nghiep#

*Professional title: #Job#*

- Chức vụ (nếu có): N/A

*Position (if any): N/A*

*-* Công việc phải làm:

| + | #CONG VIEC PHAI LAM# |
| --- | --- |
| + | Thực hiện công việc theo đúng chức danh chuyên môn của mình dưới sự quản lý, điều hành của Ban Giám đốc (và các cá nhân được bổ nhiệm hoặc ủy quyền phụ trách). |
| + | Phối hợp cùng với các bộ phận, phòng ban khác trong Công ty để phát huy tối đa hiệu quả công việc. |
| + | Hoàn thành những công việc khác tùy thuộc theo yêu cầu kinh doanh của Công ty và theo quyết định của Ban Giám đốc (và các cá nhân được bổ nhiệm hoặc ủy quyền phụ trách). |

*Work to be carried out:*

| + | *#WORK TO BE CARRIED OUT#* |
| --- | --- |
| + | *Performing work in accordance with the professional title under the management and administration of the Board of Directors (and individuals appointed or authorized to be in charge).* |
| + | *Collaborating with other departments in the company to maximize the work efficiency.* |
| + | *Completing other work depending on the business requirements of the company and decisions of the Board of Directors (and individuals appointed or authorized to be in charge).* |

**Điều 2: Chế độ làm việc**

***Article 2: Working regimen***

- Thời giờ làm việc: từ thứ Hai đến thứ Sáu, 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần

*Working time: from Monday to Friday, 8 hours/day, 40 hours/week*

- Do tính chất công việc, nhu cầu kinh doanh hay nhu cầu của tổ chức/bộ phận, Công ty có thể cho áp dụng thời gian làm việc linh hoạt. Những nhân viên được áp dụng thời gian làm việc linh hoạt có thể không tuân thủ lịch làm việc cố định bình thường mà làm theo ca kíp, nhưng vẫn phải đảm bảo đủ số giờ làm việc theo quy định.

*Due to the nature of work, business, or the organization/department demands, flexible working time can be applied. The employees who are allowed to have flexible working time may not follow the normal fixed schedule but follow the working shift and ensure a sufficient number of working hours as required.*

- Chế độ nghỉ hàng tuần, hàng năm và nghỉ Lễ: Theo quy định của Pháp luật và của công ty

*Full paid holidays (weekend, annual leave, public holidays, etc.): In accordance with the legislation on labour and regulations of the company.*

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Một máy tính và các thiết bị liên quan

*Equipment to be provided: One computer and other concerning equipments.*

- Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc: Theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

*Conditions for Labour safety and hygiene in the workplace: In accordance with the current regulations of Vietnamese laws.*

**Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của Người lao động**

***Article 3: Obligations and benefits of the Employee***

1. **Quyền lợi *(Benefits):***

* Phương tiện đi lại làm việc: Người lao động tự túc

*Means of transport: Self-sufficient*

* Lương thực nhận: #Net Salary# VNĐ/tháng

*Net salary: #Net Salary#* *VND/month*

* Được trả lương vào ngày cuối cùng hàng tháng, trường hợp ngày cuối cùng của tháng rơi vào thứ 7 hoặc chủ nhật thì được trả vào ngày thứ 6 liền trước đó.

*To be paid monthly on the last day of every month. If the last day of the month is on a Saturday or Sunday, the salary shall be paid on the preceding Friday.*

* Hình thức trả lương: Tất cả các khoản thanh toán cho người lao động theo Hợp đồng này sẽ được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng vào tài khoản của người lao động hoặc hình thức khác theo chính sách của Công ty.

*Method of payment: All payments to be paid to the Employee under this Contract shall be made by bank transfer to the account of the Employee or other methods according to the policy of the Company.*

* Tiền lương tháng thứ 13 hoặc thưởng: Thực hiện theo quy định của Công ty.

*13th month salary/ Bonus will be applied according to company’s regulations.*

* Tiền làm thêm giờ: Theo quy định của luật Lao động Việt Nam và chính sách Công ty

*Over-time payment: According to Vietnam Labour law and the Company’s policy.*

* Chế độ nâng lương: Thực hiện theo quy định của Nhà nước và quy chế tiền lương của Công ty.

*Promotion: In accordance with the State ’s and company’s regulations.*

* Bảo hiểm xã hội,bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

*Social insurance, health insurance and unemployment insurance: In accordance with current State’s legislation.*

* Thuế thu nhập cá nhân (nếu có): Người lao động có trách nhiệm đóng đầy đủ thuế thu nhập cá nhân cho tất cả các khoản thu nhập từ lương tháng, thưởng và các khoản thu nhập khác theo luật quy định của Việt Nam. Công ty có nghĩa vụ chi trả và nộp thuế thay cá nhân cho tất cả các khoản thu nhập từ lương tháng, thưởng và các khoản thu nhập khác theo Luật thuế Thu nhập cá nhân. Riêng khoản thưởng tháng 13 sẽ thực hiện theo quy chế tài chính, Quy chế tiền lương của Công ty.

*Personal income tax (if any): The Employee pays personal income tax for salary, bonus, allowance, and other benefits as Vietnamese law. The Company is obliged to pay and pay tax instead of personal on all income from monthly salary, bonus, and other income according to the Personal Income Tax Law. Particularly, the 13th-month bonus will comply with the Company's financial regulations and salary regulations.*

* Chế độ đào tạo: Theo quy định của Công ty

*Professional education, fellowship: According to the company’s regulations.*

* Những thỏa thuận khác: Người lao động có các chế độ và các phúc lợi khác như sau:

+ Ăn trưa: 30,000 VNĐ/ngày làm việc

+ Xăng xe và điện thoại: #Gas and telephone# VNĐ/tháng

Ngoài những phụ cấp nêu trên, các phụ cấp khác như ăn đêm, đồ ăn, đồ uống,... sẽ được quy định trong Quy chế tài chính. Đối với các chi phí như chi phí thuê nhà, tiền ăn ở, điện, nước, đi lại sẽ do người lao động tự chi trả.

*Other agreements: The employee has the following benefits:*

*+ Lunch:* 30,000 *VND/working day*

*+ Gas and telephone: #Gas and telephone# VND/month*

*Besides the above-mentioned allowances, other allowances such as night meals, food, and drinks,... will be provided in the Financial Regulation. Other expenses such as rental expenses, expenses for meals and living, expenses for electricity and water, and travel expenses, shall be paid by the employee.*

**2.** **Nghĩa vụ *(Obligations):***

* Đảm bảo hoàn thành công việc với hiệu quả cao nhất theo sự phân công, điều hành (bằng văn bản hoặc bằng miệng) của Ban Giám đốc trong Công ty (và các cá nhân được Ban Giám đốc bổ nhiệm hoặc ủy quyền phụ trách).

*Guarantee to complete work with the highest efficiency as assigned, and managed (in speech or in writing) by the company's Board of Directors (and individuals appointed and authorized by the Board of Directors).*

* Hoàn thành công việc được giao và sẵn sàng chấp nhận mọi sự điều động khi có yêu cầu.

*Complete work as assigned and be willing to accept any mobilization as required.*

* Nắm rõ và chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, văn hóa công ty, nội quy lao động và các chủ trương, chính sách của Công ty và các quy định của pháp luật.

*Clearly understand and seriously follow labour discipline and safety, occupational hygiene, fire protection, company culture, labour regulations, company policies, and provisions of law.*

* Bồi thường vi phạm về vật chất theo quy chế, nội quy của Công ty và pháp luật Nhà nước quy định.

*Compensate for material violation in accordance with the regulations of the company and the law of the State.*

* Tham dự đầy đủ, nhiệt tình các buổi huấn luyện, đào tạo, hội thảo do Công ty tổ chức.

*Fully and actively participate in training sessions and seminars organized by the company.*

* Thực hiện đúng cam kết trong Hợp đồng lao động và các thỏa thuận bằng văn bản khác với Công ty.

*Implement accurate commitments in the Labour Contract and other written agreements of the company.*

* Cam kết sẽ cung cấp đầy đủ các thông tin cá nhân cần thiết cho người sử dụng lao động để thực hiện các quy định của Hợp đồng này khi nhận được thông báo yêu cầu cung cấp thông tin từ phía Người sử dụng lao động.

*Commits to providing all necessary personal information to the Employer to implement the provisions of this Contract, upon receiving a notification requesting such information from the Employer.*

**Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của Người sử dụng lao động**

***Article 4: Obligations and rights of the Employer***

1. **Nghĩa vụ *(Obligations):***

* Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

*To assure work for the Employee and to fulfill all committed provisions in the labour contract.*

* Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

*To fully and duly pay the Employee all remuneration and other benefits as committed in the labour contract and collective labour agreement (if any).*

**2.** **Quyền hạn *(Rights):***

* Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo Hợp đồng (bố trí, điều chuyển công việc cho người lao động theo đúng chức năng chuyên môn).

*Direct the employee to fulfill work as described in the contract (arrange, and transfer the employee’s work under the adequate professional title).*

* Có quyền chuyển tạm thời lao động, ngừng việc, thay đổi, tạm thời chấm dứt Hợp đồng lao động và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của Pháp luật hiện hành và theo nội quy của Công ty trong thời gian hợp đồng còn giá trị.

*Have the right to temporarily transfer the employee’s work, stop, change, or temporarily terminate their labour contract and apply disciplinary measures according to the current Laws and company regulations in the validation period of the contract.*

* Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng, kỷ luật người lao động theo đúng quy định của Pháp luật, và nội quy lao động của Công ty.

*Postpone or terminate the labour contract and apply disciplinary measures according to the Laws and the company’s regulations.*

* Có quyền đòi bồi thường, khiếu nại với cơ quan liên đới để bảo vệ quyền lợi của mình nếu người lao động vi phạm Pháp luật hay các điều khoản của hợp đồng này.

*Have the right to claim damages with the associated bodies to protect the company's own rights if the employee violates the Law or terms of this contract.*

* Có quyền sử dụng các thông tin cá nhân có sẵn của người lao động mà người sử dụng lao động đang nắm giữ hoặc yêu cầu người lao động cung cấp thông tin cá nhân của mình thông qua văn bản nhằm mục đích thực hiện tốt nhất các quy định của Hợp đồng này.

*Have the right to use the available personal information of the Employee that the Employer currently holds, or to request that the Employee provide their personal information in writing, for the purpose of best implementing the provisions of this Contract.*

* Với nhân viên làm việc tại văn phòng Đà Nẵng, công ty TNHH SGS Việt Nam ủy quyền cho Công ty TNHH SGS Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo luật hiện hành.

*For employees working in the Da Nang office, SGS Vietnam Company Limited authorizes SGS Vietnam Company Limited - Danang branch to do the obligations of the employer related to social insurance, health insurance, and unemployment insurance for employees as per the current law.*

**Điều 5: Những thỏa thuận khác**

***Article 5: Other agreements***

- Đơn phương chấm dứt hợp đồng: Thực hiện theo quy định của Pháp luật lao động và Nội quy lao động của công ty.

Người lao động và người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng phải đảm bảo thời gian báo trước cho bên còn lại như sau:

* Ít nhất 45 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn;
* Ít nhất 30 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng;
* Ít nhất 03 ngày làm việc nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng;

*Unilateral termination of contract: In accordance with legislation on labour and company’s labour regulations.*

*The employee and the employer have the right to terminate the labor contract unilaterally but must ensure the notice period to the other party as follows:*

* *At least 45 days if working under an indefinite-term labor contract;*
* *At least 30 days if working under a definite-term labor contract with a term from 12 months to 36 months;*
* *At least 03 working days if working under a definite-term labor contract with a term of less than 12 months;*
* Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu một bên có nhu cầu thay đổi nội dung trong hợp đồng phải báo cho bên kia trước ít nhất 03 ngày, hai bên sẽ thương lượng để ký kết Hợp đồng lao động hoặc Phụ lục hợp đồng mới. Trong thời gian tiến hành thỏa thuận hai bên vẫn tuân theo hợp đồng lao động đã ký kết.

*During the period of the contract, if either of the parties needs to change the contract's content, the party must notify the other at least 3 days in advance. Both parties will negotiate to sign a new Labour Contract or Contract Appendix. During the negotiation time, both parties still comply with the signed labour contract.*

* Hợp đồng có giá trị kể từ ngày ký và sẽ tự động thanh lý khi hết thời hạn ghi trong hợp đồng và các bên đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng
* *The contract is valid from the date of signing and will be automatically terminated upon the expiration of the term stated in the contract, with both parties ensuring the fulfillment of the obligations agreed upon in the contract.*
* Người lao động đọc kỹ, hiểu rõ và cam kết thực hiện các điều khoản và quy định ghi tại Hợp đồng lao động.

*The employee reads, understands, and commits to implementing the terms and conditions stated in the Labour contract.*

**Điều 6: Điều khoản thi hành**

***Article 6: Implementation provisions***

* Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, Nội quy lao động. Trường hợp chưa có thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động thì áp dụng quy định của Pháp luật lao động.

*Labour matters not mentioned in the labour contract are to be applied according to the collective labour agreement, labour regulations. In the case that a collective labour agreement or labour regulations do not exist, these can be applied to the Labour law provisions.*

* Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động là một phần không thể tách rời và có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng này.

*When both parties sign the appendix of labour contract, the content of the appendix shall be an inseparable part of the content of this contract and shall be valued as the contents of this labour contract.*

* Hợp đồng lao động được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản và có hiệu lực từ ngày ký.

*The Labour contract is made in 02 (two) copies of equal validity, each party keeps 01 (one) copy and comes into force on the signing date.*

| **Bên B *(Party B)***  **#Full name1#** | **Bên A *(Party A)***  **TM Giám đốc**  *(On behalf of Director)*  **LÊ THÙY LINH** |
| --- | --- |

**THỎA THUẬN BẢO MẬT THÔNG TIN, KHÔNG CẠNH TRANH VÀ LÔI KÉO**

*Non-Disclosure, Non-Compete, and Non-Solicit Agreement*

**Công ty TNHH SGS Việt Nam**

*SGS Vietnam Company Limited*

Thỏa thuận bảo mật thông tin, không cạnh tranh và không lôi kéo (“**Thỏa thuận**”) được ký kết vào #from date# giữa các bên:

This Non-Disclosure, Non-Compete, and Non-Solicit Agreement (the “**Agreement**”) isentered into on #from date-en# by and between:

**Công ty TNHH SGS Việt Nam**, công ty Việt Nam có trụ sở chính tại tầng 7, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam; Mã số thuế: 0102133175

(gọi tắt là “SGS”);

***SGS Vietnam Company Limited****, a Vietnamese company with principal offices on the 7th floor, VTC Online Building, No.18 Tam Trinh Street, Minh Khai Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam; Tax code: 0102133175*

*(referred to as “****SGS****”);*

Và *(And)*

**Ông/Bà: #Full name#**

***Mr./Ms.: #Full name-en#***

Ngày tháng năm sinh: #Ngay sinh#

*Date of birth: #Birthday#*

Số hộ chiếu/số CMND/CCCD: #ID# Ngày cấp: #Ngay cap#

*Passport number/ID card number: #ID# Date of issue: #Date of ID#*

Nơi cấp: #Noi cap#

*Place of issue: #Place of ID#*

(“**Bên Tiếp Nhận Thông Tin**”)

*(“****Receiving Party****”)*

Với mục đích:

*For the purposes of:*

1. Ngăn chặn việc tiết lộ các thông tin bảo mật khi chưa được ủy quyền (được quy định dưới đây).

*Preventing the unauthorized disclosure of Confidential Information (as defined below).*

1. Thỏa thuận không cạnh tranh từ Bên tiếp nhận thông tin.

*Agreement of non-competition from Receiving Party.*

1. Thỏa thuận không lôi kéo từ Bên tiếp nhận thông tin.

*Agreement of non-solicitation from Receiving Party.*

Hai bên cùng đồng ý với các điều khoản sau đây:

*Two parties have jointly agreed with the following terms:*

**1. Định nghĩa về khách hàng**. Vì các mục đích đã nêu trên của Thỏa thuận này, “**Khách hàng**” được hiểu sẽ bao gồm bất kỳ cá nhân hay tổ chức thứ ba nào mà SGS đang cung cấp dịch vụ hoặc đã từng cung cấp dịch vụ.

***1. Definition of Client.*** *For purposes of this Agreement,* ***“Client”*** *shall include any third-party individual or corporation for whom SGS provides any service, or for whom SGS has provided service in the past.*

**2. Định nghĩa về người bán.** Vì các mục đích đã nêu trên của Thỏa thuận này, “**Người bán**” được hiểu sẽ bao gồm bất kỳ cá nhân hay tổ chức thứ ba không phải là nhân viên cung cấp dịch vụ có tính quan trọng đối với hoạt động kinh doanh chính của SGS.

***2. Definition of Vendor.*** *For purposes of this Agreement, "****Vendor****" shall include any third-party non-employee individual or corporation who provides any service for SGS that is critical to SGS's core business.*

**3. Định nghĩa về Thông tin bảo mật.** Vì các mục đích đã nêu trên của Thỏa thuận này, “**Thông tin bảo mật**” sẽ bao gồm toàn bộ thông tin hay tài liệu có hoặc có thể mang giá trị thương mại hay các lợi ích khác trong hoạt động kinh doanh mà SGS nắm giữ. Nếu Thông tin bảo mật tồn tại ở dạng văn bản thì SGS sẽ dán nhãn hay đóng dấu có in chữ “Bảo mật” lên trên tài liệu đó hoặc một số dấu hiệu cảnh báo có nội dung tương tự. Nếu Thông tin bảo mật được truyền đạt bằng lời thì SGS sẽ thông báo rằng việc truyền đạt thông tin bằng lời đó sẽ cấu thành nên Thông tin bảo mật.

***3.******Definition of Confidential Information.*** *For purposes of this Agreement, “****Confidential Information****” shall include all information or material that has or could have commercial value or other utility in the business in which SGS is engaged. If Confidential Information is in written form, SGS shall label or stamp the materials with the word “Confidential” or some similar warning. If Confidential Information is transmitted orally, SGS shall notify that such oral communication constitutes Confidential Information.*

Thông tin bảo mật cũng sẽ bao gồm toàn bộ các thông tin hay dữ liệu được cung cấp bởi Khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn: các bản sao tồn tại ở dạng vật chất thực hay dưới dạng tệp tin điện tử của các hình ảnh, video, các tệp tin âm thanh, lược sử người dùng, các tin nhắn văn bản, tên, số điện thoại, địa chỉ, địa chỉ hộp thư điện tử, tên người sử dụng, mật khẩu, URL, thư điện tử.

*Confidential Information shall also include all information or material from Client, including but not limited to electronic and physical copies of images, videos, audio files, user profiles, text messages, names, phone numbers, addresses, email addresses, usernames, passwords, URLs, and emails.*

Thông tin bảo mật bao gồm, nhưng không giới hạn:

*Confidential information includes, but are not limited to:*

Thông tin kỹ thuật, bao gồm:

*Technical information, including:*

1. Bằng sáng chế, bản quyền, bí mật thương mại và thông tin độc quyền khác;

*Patent, copyright, trade secret, and other proprietary information;*

1. Kỹ thuật, sơ đồ, bản vẽ, mô hình, sáng chế, bí quyết, quy trình, bộ máy, thiết bị;

*Techniques, sketches, drawings, models, inventions, know-how, processes, apparatus, equipment;*

1. Các thuật toán, các chương trình phần mềm, tài liệu mã nguồn phần mềm;

*Algorithms, software programs, software source documents;*

1. Công thức liên quan đến các sản phẩm và dịch vụ dự kiến ở hiện tại, tương lai của Công ty;

*Formulae related to the current, future and proposed products and services of Company;*

1. Mã nguồn phát triển hoặc sử dụng bởi các công ty;

*Source code developed or used by the company;*

1. Âm nhạc và âm thanh hiệu ứng phát triển hoặc sử dụng bởi các công ty;

*Music and sound effects developed or used by the company;*

1. Video nội bộ;

*Internal videos;*

1. Công cụ được sử dụng trong công ty;

*Tools used in the company;*

1. Phần cứng được sử dụng trong công ty;

*Hardware used in the company;*

Thông tin ngoài kỹ thuật, bao gồm:

Non-technical information, including:

1. Tiền lương, tiền thưởng, lợi ích, và tất cả các khoản bồi thường khác của bạn;

*Salary, bonuses, benefits, and all other compensation;*

1. Tiền lương, tiền thưởng, lợi ích, và tất cả các khoản bồi thường khác của các nhân viên khác;

*Other staff’s salaries, bonuses, benefits, and all other compensation;*

1. Doanh thu của các dự án trong công ty;

*Revenue of projects in the company;*

1. Quy trình bán hàng và marketing;

*Sales and marketing processes;*

1. Chiến lược đàm phán;

*Negotiation strategies;*

1. Tên của khách hàng;

*Names of clients;*

1. Thông tin liên lạc của những người chủ chốt trong công ty của khách hàng;

*Contact information of key people in client companies;*

1. Hợp đồng với khách hàng và nhà cung cấp;

*Contracts with clients and vendors;*

1. Hợp đồng với các nhân viên trong công ty;

*Contracts with staff in the company;*

1. Báo giá và đề xuất cho các khách hàng tiềm năng;

*Quotes and proposals to potential clients;*

1. Tài chính, dữ liệu về tài chính và kế toán, và thông tin;

*Finances, financial and accounting data and information;*

1. Kế hoạch kinh doanh trong tương lai và bất kỳ thông tin nào khác là độc quyền và bí mật cho công ty;

*Future business plans and any other information that is proprietary and confidential to Company;*

1. Công việc thực hiện cho khách hàng;

*Work performed for clients;*

1. Mọi thông tin được cung cấp bởi khách hàng;

*Any information provided by clients;*

1. Số nhân viên làm việc trong từng phòng ban, dự án hoặc cho một khách hàng cụ thể;

*Number of staff working on any particular team, project, or for a particular client;*

1. Thông tin cá nhân của nhân viên (số điện thoại, địa chỉ email, tên người dùng Skype, địa chỉ, số CMND, số hộ chiếu, tình trạng sức khỏe, thông tin bảo hiểm, vv);

*Personal staff information (phone numbers, email addresses, Skype usernames, addresses, ID card numbers, passport numbers, health status, insurance information, etc.);*

1. Kế hoạch marketing;

*Marketing plans;*

1. Đề xuất dự án;

*Project proposals;*

1. Kế hoạch phát triển dự án;

*Project development plans;*

1. Kỹ thuật được phát triển hoặc sử dụng bởi Công ty;

*Technique developed or used by the company;*

1. Quy trình của SGS (Nhân sự, Quy trình tuyển dụng, Kế toán, GA, Quản lý dự án);

*SGS processes (HR, Recruiting processes, Accounting, GA, Project Management);*

1. Quyết định chiến lược cấp cao của Công ty (bao gồm sa thải, thay đổi tiền lương, thay đổi nhân sự);

*High-level strategic company decisions (including layoffs, salary changes, HR changes);*

1. Tên người dùng và mật khẩu;

*Usernames and passwords;*

1. Bản phân tích (dữ liệu tổng hợp) của các dự án, khách hàng, công ty;

*Analytics (aggregated data) of projects, customers, company;*

1. Bất kỳ công việc nào bạn đã thực hiện cho SGS hoặc khách hàng;

*Any work you have performed for SGS or Clients;*

**4. Các thông tin không phải là Thông tin bảo mật.** Nghĩa vụ của bên Tiếp nhận thông tin theo Thỏa thuận này không liên quan tới các thông tin sau:

***4.******Exclusions from Confidential Information****. Receiving Party’s obligations under this Agreement does not extend to information that is:*

1. thông tin đó đã được phổ biến ra công chúng tại thời điểm tiết lộ hoặc sau đó sẽ được mọi người biết tới nhưng không phải do lỗi của Bên tiếp nhận thông tin;

*publicly known at the time of disclosure or subsequently becomes publicly known through no fault of the Receiving Party;*

1. thông tin đó được tạo ra hoặc tìm ra bởi Bên tiếp nhận thông tin trước khi họ được SGS cung cấp;

*discovered or created by the Receiving Party before disclosure by SGS;*

1. là các thông tin mà Bên tiếp nhận có được thông qua các phương tiện hợp pháp mà không phải được cung cấp bởi SGS hay người đại diện của SGS; hoặc

*learned by Receiving Party through legitimate means other than from SGS or SGS’s representatives; or*

1. là các thông tin được Bên tiếp nhận tiết lộ khi được sự đồng thuận trước bằng văn bản của SGS.

*is disclosed by Receiving Party with SGS’s prior written approval.*

**5. Nghĩa vụ của Bên tiếp nhận thông tin.** Bên tiếp nhận thông tin sẽ nắm giữ và bảo vệ nghiêm ngặt các Thông tin bảo mật để đảm bảo lợi ích độc quyền và duy nhất của SGS và Khách hàng. Bên tiếp nhận thông tin cần phải siết chặt việc truy cập Thông tin bảo mật bởi các nhân viên, các nhà thầu và cả các bên thứ ba khi có yêu cầu hợp lý và ít nhất cũng sẽ phải yêu cầu những người này ký vào bản cam kết không tiết lộ thông tin có giá trị bảo mật thông tin tương đương các điều khoản trong Thỏa thuận này. Bên tiếp nhận thông tin khi chưa có sự đồng thuận trước bằng văn bản của SGS sẽ không được sử dụng những thông tin đó vào mục đích tư lợi cá nhân, xuất bản, sao chép hay thậm chí là tiết lộ cho một bên nào khác, hoặc cho phép các bên khác sử dụng bất kỳ Thông tin bảo mật này để tạo lợi ích riêng gây phương hại tới SGS và phương hại tới cả Khách hàng. Bên tiếp nhận thông tin sẽ gửi trả lại cho SGS bất cứ và toàn bộ biên bản ghi chép và các tài liệu hữu hình, các văn bản, bản in hay các tài liệu tồn tại ở dạng văn bản khác thuộc sở hữu của SGS có nội dung liên quan tới Thông tin bảo mật ngay lập tức nếu SGS gửi tới họ yêu cầu bằng văn bản.

***5.******Obligations of Receiving Party****. Receiving Party shall hold and maintain the Confidential Information in strictest confidence for the sole and exclusive benefit of SGS and Client. Receiving Party shall carefully restrict access to Confidential Information to employees, contractors, and third parties as is reasonably required and shall require those persons to sign nondisclosure restrictions at least as protective as those in this Agreement. Receiving Party shall not, without prior written approval of SGS, use for Receiving Party’s own benefit, publish, copy, or otherwise disclose to others, or permit the use by others for their benefit or to the detriment of SGS or to the detriment of Client, any Confidential Information. Receiving Party shall return to SGS any and all records, notes, and other written, printed, or tangible materials in its possession pertaining to Confidential Information immediately if SGS requests it in writing.*

Bên tiếp nhận thông tin sẽ không: chụp ảnh, quay phim lại các Thông tin bảo mật, sao chụp hay truyền Thông tin bảo mật bằng các hình thức giao tiếp, gọi điện thoại, gửi tin nhắn văn bản, thư điện tử, tin nhắn thông qua mạng dữ liệu, photocopy, fax hay thông qua bất kỳ phương tiện truyền thông hữu hình hay điện tử hoặc bất kỳ hình thức giao tiếp nào khi chưa có nhận được sự đồng thuận bằng văn bản của SGS.

*Receiving Party shall except on a need basis not: take photographs or videos of Confidential Information, take screenshots of Confidential Information, transmit Confidential Information via conversation, phone call, text message, email, instant message, photocopy, fax, or through any other electronic or physical medium or method of communication; without express written consent from SGS.*

Trong trường hợp Bên tiếp nhận thông tin phát hiện ra rằng Thông tin bảo mật đã bị đánh cắp hay bị mất, hoặc một ai đó đã truy cập bất hợp pháp, thì Bên tiếp nhận thông tin phải ngay lập tức thông báo cho SGS. Thông tin bảo mật không phải là tài sản của Bên tiếp nhận thông tin và Bên tiếp nhận thông tin không có quyền sở hữu các thông tin đó hoặc, trừ khi được chấp thuận, cấp phép trong tài liệu này. Bên tiếp nhận thông tin sẽ đảm bảo việc bảo vệ các Thông tin bảo mật khỏi việc bị thất thoát, đánh cấp hay sử dụng, truy cập, tiết lộ, sao chép, thay đổi hay hủy hoại một cách bất hợp pháp.

*In the event that Receiving Party becomes aware that Confidential Information has been stolen or lost, or a person has obtained unauthorized access to Confidential Information, Receiving Party will at first opportunity notify SGS. Confidential Information is not the property of Receiving Party, and Receiving Party will have no proprietary of, except as expressly permitted herein, license right therein. Receiving Party will ensure the protection of Confidential Information from loss, theft, or unauthorized use, access, disclosure, copying, alteration, or destruction.*

Bên tiếp nhận thông tin sẽ không thu thập, tạo mới, xử lý, sử dụng, sao chép, tiết lộ, hay thậm chí là hủy hoại bất kỳ Thông tin bảo mật nào hay cho phép bất kỳ bên nào mà đang ký hợp đồng hoặc có trách nhiệm pháp lý với Bên tiếp nhận thông tin làm như vậy, ngoại trừ trường hợp nhận được sự chỉ đạo trực tiếp bằng văn bản bởi SGS hoặc được yêu cầu bởi Luật hiện hành hoặc trong các trường hợp cần thiết để thực hiện nghĩa vụ của chính họ do SGS gửi yêu cầu bằng văn bản.

*Receiving Party will not collect, create, handle, use, copy, disclose of or destroy any Confidential Information or permit any of the foregoing by anyone for whom it is responsible in Law or contract, except as directed in writing by SGS, required by applicable Law, or as necessary to perform its obligations as directed in writing by SGS.*

Bên tiếp nhận sẽ tiếp tục giữ kín và sẽ không được tiết lộ, lan truyền hoặc sử dụng bất kỳ thông tin bí mật nào của SGS, có hoặc không ở dạng văn bản, dù người được tiết lộ có hay không là nhân viên của SGS. Bên tiếp nhận thông tin đồng ý rằng Bên tiếp nhận thông tin phải xử lý với tất cả các thông tin bí mật của SGS với ít nhất cùng một mức độ quan tâm như khi Bên tiếp nhận thông tin xử lý thông tin bí mật của riêng mình. Bên tiếp nhận thông tin hơn nữa thể hiện rằng sẽ dành một sự quan tâm hợp lý tối thiểu như để bảo vệ thông tin bí mật của riêng mình. Nếu Bên tiếp nhận thông tin không phải là một cá nhân, Bên tiếp nhận nhận thông tin đồng ý rằng Bên tiếp nhận thông tin chỉ tiết lộ thông tin bảo mật cho những nhân viên của mình mà cần biết thông tin đó, và xác nhận rằng trước đây những nhân viên đó đã ký kết Thỏa thuận này.

*Receiving Party will maintain in confidence and will not disclose, disseminate, or use any Confidential Information belonging to SGS, whether or not in written form, whether or not disclosed to others employed by SGS. Receiving Party agrees that Receiving Party shall treat all Confidential Information of SGS with at least the same degree of care as Receiving Party accords its confidential information. Receiving Party further represents that Receiving Party exercises at least reasonable care to protect its confidential information. If Receiving Party is not an individual, Receiving Party agrees that Receiving Party shall disclose Confidential Information only to those of its employees who need to know such information, and certifies that such employees have previously signed a copy of this Agreement.*

Bên tiếp nhận thông tin nhận thức rằng việc vi phạm Thỏa thuận bảo mật này có thể lập tức dẫn đến chấm dứt bất kỳ mối quan hệ làm việc hoặc kinh doanh nào giữa Bên tiếp nhận thông tin và SGS.

*Receiving Party acknowledges that violation of confidentiality can result in immediate termination of any working or business relationship between Receiving Party and SGS.*

**6. Không cạnh tranh.** Trong thời hạn hai (2) năm kể từ ngày Thỏa thuận này có hiệu lực, hoặc hai (2) năm kể từ ngày chấm dứt các quan hệ hợp tác giữa SGS và Bên tiếp nhận thông tin (nhân viên toàn thời gian, nhân viên bán thời gian, nhà thầu, hoặc bất kỳ hình thức công việc nào khác), tùy theo cái nào có thời hạn lâu hơn, Bên tiếp nhận thông tin sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp làm việc hoặc hợp tác bất cứ công việc nào với khách hàng hiện tại hoặc khách hàng cũ của SGS trừ khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của SGS.

***6.******Non-Competition.*** *For a period of two (2) years after the Effective Date of this Agreement, or two (2) years after the date of termination of all business relationships between SGS and Receiving Party (e.g. full-time, part-time, contractor, or any other type of work), whichever is longer, Receiving Party will not directly or indirectly engage, or cooperate in any business with any previous or current Client or Vendor of SGS unless with SGS's prior written approval.*

**7. Không lôi kéo**. Trong thời hạn hai (2) năm kể từ ngày thỏa thuận này có hiệu lực, hoặc hai (2) năm kể từ ngày chấm dứt các quan hệ hợp tác giữa SGS và Bên tiếp nhận thông tin (nhân viên toàn thời gian, nhân viên bán thời gian, nhà thầu, hoặc bất kỳ hình thức công việc nào khác), tùy theo cái nào có thời hạn lâu hơn, (được hiểu là "Giai đoạn không lôi kéo"), Bên tiếp nhận thông tin sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp lôi kéo hoặc cố gắng bán, cấp phép hoặc cung cấp các sản phẩm hay dịch vụ giống hoặc tương tự các dịch vụ cung cấp cho các bên đã hoặc đang là khách hàng của SGS, trừ khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của SGS. Ngoài ra trong "Giai đoạn không lôi kéo", Bên tiếp nhận thông tin sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp lôi kéo, xúi giục, hoặc cố gắng xúi giục bất kỳ nhân viên hoặc nhà thầu nào của SGS chấm dứt hoặc thay đổi công việc với SGS.

***7.******Non-Solicitation****. For a period of two (2) years after the Effective Date of this Agreement, or two (2) years after the date of termination of all business relationships between SGS and Receiving Party (e.g. full-time, part-time, contractor, or any other type of work), whichever is longer (the “****Non-Solicit Period****”), Receiving Party will not directly or indirectly solicit business from, or attempt to sell, license, or provide the same or similar products or services as are now provided to, any current or previous Client of SGS, unless with SGS's prior written approval. Further, for the Non-Solicit Period, Receiving Party will not directly or indirectly solicit, induce, or attempt to induce any employee or contractor of SGS to terminate or change his or her employment with SGS.*

**8. Thời hạn**. Các điều khoản không tiết lộ thông tin của Thỏa thuận này vẫn tồn tại nếu thỏa thuận này chấm dứt và trách nhiệm giữ kín thông tin bảo mật của Bên tiếp nhận thông tin vẫn có hiệu lực cho đến khi thông tin bảo mật không còn có giá trị là một bí mật thương mại hoặc cho đến khi SGS gửi cho Bên tiếp nhận thông tin một văn bản thông báo chấm dứt thỏa thuận này, tùy theo cái nào xảy đến trước. Khi chấm dứt bất kỳ mối quan hệ giữa các bên, Bên tiếp nhận sẽ ngay lập tức trả lại cho SGS, mà không giữ lại bất kỳ bản sao, tất cả các tài liệu và các vật liệu khác được cung cấp cho Bên tiếp nhận thông tin bởi SGS.

***8. Time Periods****. The non-disclosure provisions of this Agreement shall survive the termination of this Agreement and Receiving Party’s duty to hold Confidential Information in confidence shall remain in effect until the Confidential Information no longer qualifies as a trade secret or until SGS sends Receiving Party written notice releasing Receiving Party from this Agreement, whichever occurs first. Upon termination of any relationship between the parties, Receiving Party will promptly deliver to SGS, without retaining any copies, all documents and other materials furnished to Receiving Party by SGS.*

**9. Các mối quan hệ.** Không một thông tin nào nêu trong Thỏa thuận này được coi như cấu thành nên một bên đối tác, liên doanh hay nhân viên của một bên khác vì bất kỳ mục đích gì.

***9.******Relationships****. Nothing contained in this Agreement shall be deemed to constitute either party a partner, joint venturer, or employee of the other party for any purpose.*

**10. Biện pháp án lệnh**. Một vi phạm bất kỳ những lời hứa hoặc thỏa thuận trong Thỏa thuận này sẽ gây ra tổn thất không thể khắc phục và thiệt hại liên tiếp cho SGS mà không có biện pháp khắc phục thích đáng theo luật, và SGS được hưởng một án lệnh và/hoặc nghị định hướng dẫn cụ thể, hoặc các biện pháp tương tự phù hợp khác (bao gồm cả tổn thất tài chính nếu phù hợp).

***10. Injunctive Relief.*** *A breach of any of the promises or agreements contained herein will result in irreparable and continuing damage to SGS for which there will be no adequate remedy at law, and SGS shall be entitled to injunctive relief and/or a decree for specific performance, and such other relief as may be proper (including monetary damages if appropriate).*

**11. Bồi thường.** Bên tiếp nhận thông tin tại đây khẳng định và cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cũng như chấp nhận đền bù mọi thiệt hại về vật chất, kinh tế mà SGS phải gánh chịu do việc vi phạm Thỏa thuận này. Đồng thời, sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí liên quan đến các thủ tục tố tụng, bao gồm các chi phí thuê luật sư do SGS thực hiện trong trường hợp Bên tiếp nhận thông tin vi phạm Thỏa thuận.

***11. Indemnity.*** *Receiving Party herein asserts and undertakes full responsibility under the law and accepts compensation for any damages and economic losses suffered by SGS for any breaches of this Agreement. At the same time, Receiving Party will be responsible for paying the costs related to the procedures including attorneys' fees performed by SGS.*

**12. Tính khả tách.** Nếu tòa án thấy rằng bất cứ điều khoản trong bản Thỏa thuận này không còn giá trị hay không thể thực hiện được thì giá trị và hiệu lực của các phần còn lại của bản Thỏa thuận này sẽ không hề bị thay đổi.

***12.******Severability****. If a court finds any provision of this Agreement invalid or unenforceable, the remainder of this Agreement shall be interpreted so as best to effect the intent of the parties.*

**13. Tính hợp nhất.** Thỏa thuận này thể hiện sự hiểu biết hoàn toàn của các bên về các vấn đề khách quan và thay thế mọi đề xuất, thỏa thuận, phát ngôn và hiểu biết trước đó. Thỏa thuận này sẽ không bị thay đổi trừ khi được cả 2 bên đồng ý bằng văn bản.

***13.******Integration****. This Agreement expresses the complete understanding of the parties with respect to the subject matter and supersedes all prior proposals, agreements, representations, and understandings. This Agreement may not be amended except in writing signed by both parties.*

**14. Bãi miễn.** Việc không thực hiện hoặc trì hoãn việc thực hiện bất kỳ quyền nào nêu trong Thỏa thuận này không đồng nghĩa với việc khước từ các quyền trước hay sau đó.

Tất cả các khía cạnh của thỏa thuận này sẽ được điều chỉnh bởi luật pháp của Hoa Kỳ và pháp luật Việt Nam. Người đại diện, người hưởng quyền và người thừa kế của các bên sẽ bị ràng buộc bởi thỏa thuận này và nghĩa vụ của mỗi bên. Các bên có thể ký Thỏa thuận này thông qua người đại diện được ủy quyền của mình.

***14. Waiver****. The failure or delay in exercising any right provided in this Agreement shall not be a waiver of prior or subsequent rights.*

*This Agreement shall be governed in all respects by the laws of the United States of America and by the laws of Vietnam. This Agreement and each party’s obligations shall be binding on the representatives, assigns, and successors of such party. Each party has signed this Agreement through its authorized representative.*

Thỏa thuận này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày ký.

*This Agreement is made in 2 copies of equal validity, each party keeps one copy, and comes into force on the signing date.*

| **Công ty TNHH SGS Việt Nam**  ***SGS Vietnam Company Limited***  TM Giám đốc  *(On behalf of Director) Employer*  **Lê Thùy Linh** | **Bên Tiếp Nhận Thông Tin**  ***Receiving Party***  **#Full name1#** |
| --- | --- |